| | |
|---|---|
| BỘ Y TẾ<br>**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC**<br>**HẢI PHÒNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 1262/QĐ-YDHP | *Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I
năm 2019 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

## HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ quyết định số 5447/QĐ-BYT ngày 26/12/2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc giao nhiệm vụ đào tạo bác sĩ chuyên khoa cấp I và cấp II Sau đại học cho Trường Đại học Y Hải Phòng

Căn cứ quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học.

Căn cứ biên bản xét kết quả trúng tuyển ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Hội đồng tuyển sinh sau đại học trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2019.

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I năm 2019 gồm: 173 (một trăm bảy mươi ba) học viên chuyên khoa cấp I thuộc 12 chuyên ngành (có danh sách kèm theo).

**Điều 2:** Các ông /bà Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Tài chính kế toán, Khoa/bộ môn liên quan và học viên có tên trong danh sách ở điều 1 căn cứ quyết định thi hành.

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải

***Nơi nhận:***
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như điều 2;
- Lưu SĐH, VT.

BỘ Y TẾ
**TRƯỜNG ĐH Y DƯỢC HP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN CHUYÊN KHOA CẤP I**
**KHÓA HỌC (2019-2021) CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG**
(Kèm theo quyết định số 1262/QĐ-YDHP ngày ..23..tháng..10...năm 2019)

| STT | *TTCN* | **1. Y học cổ truyền ( 27)** | **Ngày sinh** | **Nơi sinh** | **C/ngành** |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 1 | Lê Thị Vân Anh | 26/8/1990 | Bắc Giang | YHCT |
| 2 | 2 | Nguyễn Thị Quỳnh | 10/12/1989 | Bắc Giang | YHCT |
| 3 | 3 | Nguyễn Thanh Bình | 10/10/1989 | Hải Phòng | YHCT |
| 4 | 4 | Phạm Trường Ba | 28/6/1992 | Bắc Giang | YHCT |
| 5 | 5 | Trương Thị Mai | 23/7/1986 | Hải Dương | YHCT |
| 6 | 6 | Đặng Thị Mai Anh | 25/3/1972 | Lạng Sơn | YHCT |
| 7 | 7 | Thân Thị Phúc | 3/5/1989 | Bắc Giang | YHCT |
| 8 | 8 | Nguyễn Khắc Việt Dũng | 8/2/1985 | Bắc Giang | YHCT |
| 9 | 9 | Chu Hải Đăng | 10/12/1967 | Hà Nội | YHCT |
| 10 | 10 | Nguyễn Quyết Chiến | 14/12/1992 | Thái Bình | YHCT |
| 11 | 11 | Nguyễn Thanh Bình | 27/12/1987 | Bắc Giang | YHCT |
| 12 | 12 | Hoàng Hữu Phước | 31/12/1991 | Bắc Giang | YHCT |
| 13 | 13 | Trắng Văn Hùng | 6/9/1983 | Bắc Giang | YHCT |
| 14 | 14 | Nguyễn Bảo Linh | 14/11/1989 | Lạng Sơn | YHCT |
| 15 | 15 | Lương Thị Lệ | 21/12/1982 | Bắc Giang | YHCT |
| 16 | 16 | Nghiêm Thị Phương Thủy | 1/2/1983 | Bắc Giang | YHCT |
| 17 | 17 | Vũ Thị Tuyết Nhung | 1/3/1979 | Bắc Giang | YHCT |
| 18 | 18 | Nguyễn Thị Huệ | 13/01/1989 | Bắc Giang | YHCT |
| 19 | 19 | Nguyễn Quang Hiển | 6/9/1982 | Bắc Giang | YHCT |
| 20 | 20 | Lý Thị Kim Huệ | 26/11/1983 | Lạng Sơn | YHCT |
| 21 | 21 | Hoàng Anh Tuấn | 4/11/1975 | Lạng Sơn | YHCT |
| 22 | 22 | Nguyễn Thành Luân | 30/5/1982 | Bắc Giang | YHCT |
| 23 | 23 | Thiều Anh Minh | 4/11/1974 | Lạng Sơn | YHCT |
| 24 | 24 | Nguyễn Quang Tuấn | 6/10/1989 | Hải Phòng | YHCT |
| 25 | 25 | Nguyễn Minh Hiệp | 20/01/1977 | Bắc Giang | YHCT |
| 26 | 26 | Trần Thị Thanh Ga | 6/5/1985 | Hải Phòng | YHCT |
| 27 | 27 | Nguyễn Văn Tuyến | 12/3/1987 | Hải Phòng | YHCT |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | **2. Xét nghiệm Y học (33)** | | | |
| 28 | 1 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | 05/101988 | Hà Nội | XNYH |
| 29 | 2 | Nguyễn Hồng Hương | 31/12/1990 | Bắc Giang | XNYH |
| 30 | 3 | Hoàng Thị Quyết | 7/10/1982 | Bắc Kạn | XNYH |
| 31 | 4 | Phan Thị Huyền | 21/10/1982 | Hà Nội | XNYH |
| 32 | 5 | Nguyễn Bích Hạnh | 2/7/1990 | Hà Nội | XNYH |
| 33 | 6 | Nguyễn Thị Hồng Luyến | 25/1/1986 | Thái Nguyên | XNYH |
| 34 | 7 | Nguyễn Thị Mai Hương | 11/3/1978 | Ninh Bình | XNYH |
| 35 | 8 | Phạm Thị Thái Ninh | 1/12/1990 | Hà Nội | XNYH |
| 36 | 9 | Nguyễn Thị Minh Hằng | 16/8/1983 | Hà Nội | XNYH |
| 37 | 10 | Phạm Thị Xoan | 16/11/1991 | Thái Bình | XNYH |
| 38 | 11 | Vũ Thị Thúy | 19/12/1991 | Hải Dương | XNYH |
| 39 | 12 | Nguyễn Thị Sang | 18/1/1990 | Hà Nội | XNYH |
| 40 | 13 | Nguyễn Duy Thắng | 10/10/1981 | Hà Nội | XNYH |
| 41 | 14 | Nguyễn Thị Nga | 28/8/1986 | Quảng Ninh | XNYH |
| 42 | 15 | Trần Thị Quế Chi | 21/12/1984 | Yên Bái | XNYH |
| 43 | 16 | Võ Đại Nghĩa | 4/11/1969 | Quảng Bình | XNYH |
| 44 | 17 | Trần Thị Thương | 21/3/1984 | Thái Bình | XNYH |
| 45 | 18 | Phùng Thị Hoài Anh | 14/11/1983 | Hà Nội | XNYH |
| 46 | 19 | Vũ Thị Thu Phương | 27/2/1987 | Hải Dương | XNYH |
| 47 | 20 | Hà Thị Thu | 2/6/1978 | Hải Dương | XNYH |
| 48 | 21 | Đỗ Kim Thúy | 20/2/1986 | Sơn La | XNYH |
| 49 | 22 | Bùi Thị Huyền | 19/5/1979 | Hải Dương | XNYH |
| 50 | 23 | Vũ Văn Huấn | 31/1/1976 | Hải Phòng | XNYH |
| 51 | 24 | Nguyễn Việt Hồng | 8/12/1987 | Hải Dương | XNYH |
| 52 | 25 | Lê Hồng Quân | 18/2/1985 | Hà Nam | XNYH |
| 53 | 26 | Nguyễn Thị Vân | 1/4/1982 | Hải Phòng | XNYH |
| 54 | 27 | Nguyễn Trung Kiên | 1/7/1978 | Hà Nội | XNYH |
| 55 | 28 | Trần Thị Vân Anh | 9/8/1978 | Hà Nội | XNYH |
| 56 | 29 | Phạm Văn Quang | 24/1/1974 | Hải Phòng | XNYH |
| 57 | 30 | Nguyễn Văn Mạnh | 21/10/1986 | Hà Nội | XNYH |
| 58 | 31 | Trần Thị Thường | 11/7/1977 | Hà Nội | XNYH |
| 59 | 32 | Lê Trung Toàn | 25/4/1982 | Hà Nội | XNYH |
| 60 | 33 | Nguyễn Thị Thu | 22/12/1985 | Hà Nội | XNYH |
| | | **3. U bướu ( 01)** | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 61 | 1 | Phạm Hải Trung | 26/1/1983 | Hải Dương | u bướu |
| | | **4. Tai mũi họng (04)** | | | |
| 62 | 1 | Trần Thị Kim Hoa | 21/7/1980 | Hải Phòng | TMH |
| 63 | 2 | Nguyễn Cát Hải | 26/5/1988 | Quảng Ninh | TMH |
| 64 | 3 | Nguyễn Thị Dịu | 6/9/1979 | Hải Dương | TMH |
| 65 | 4 | Nguyễn Danh Thưởng | 20/10/1975 | Thái Bình | TMH |
| | | **5. Sản khoa ( 07)** | | | |
| 66 | 1 | Vũ Thị Hằng Hoa | 29/8/1989 | Hải Dương | Sản |
| 67 | 2 | Vũ Thị Tân | 21/9/1987 | Hưng Yên | Sản |
| 68 | 3 | Nguyễn Thị Mai | 21/1/1980 | Hải Phòng | Sản |
| 69 | 4 | Trần Thùy Dương | 26/3/1987 | Hải Dương | Sản |
| 70 | 5 | Hoàng Lê Phương | 8/7/1992 | Hải Dương | Sản |
| 71 | 6 | Đặng Văn Cường | 17/5/1984 | Hải Dương | Sản |
| 72 | 7 | Phạm Thị Thanh Xuân | 5/2/1988 | Hải Phòng | Sản |
| | | **6. Răng Hàm Mặt (38)** | | | |
| 73 | 1 | Châu Đức Khoát | 22/11/1986 | Quảng Ninh | RHM |
| 74 | 2 | Lê Thị Mai Lan | 2/1/1973 | Phú Thọ | RHM |
| 75 | 3 | Nguyễn Thị Hồng Thúy | 24/3/1987 | Hà Nội | RHM |
| 76 | 4 | Nguyễn Thị Huyền | 4/10/1981 | Bắc Ninh | RHM |
| 77 | 5 | Nguyễn Văn Hải | 23/12/1985 | Nghệ An | RHM |
| 78 | 6 | Vũ Công Tĩnh | 16/7/1979 | Hải Dương | RHM |
| 79 | 7 | Nguyễn Thị Thu | 15/11/1986 | Thái Bình | RHM |
| 80 | 8 | Vũ Thị Hồng | 1/6/1982 | Hải Phòng | RHM |
| 81 | 9 | Nguyễn Thị Kiểm | 7/5/1985 | Điện Biên | RHM |
| 82 | 10 | Mai Thị Tuyết | 3/7/1986 | Thanh Hóa | RHM |
| 83 | 11 | Đỗ Thị Thanh Tâm | 20/7/1993 | Hải Phòng | RHM |
| 84 | 12 | Phạm Hồng Tân | 26/6/1980 | Thái Bình | RHM |
| 85 | 13 | Lê Thu Hường | 22/3/1981 | Hà Nội | RHM |
| 86 | 14 | Nguyễn Văn Hiệp | 2/8/1984 | Thái Bình | RHM |
| 87 | 15 | Vũ Văn Phấn | 3/9/1983 | Quảng Ninh | RHM |
| 88 | 16 | Phạm Thanh Hải | 14/11/1979 | Hưng Yên | RHM |
| 89 | 17 | Lỷ Dit Thím | 27/2/1985 | Quảng Ninh | RHM |
| 90 | 18 | Ngô Thị Thu Hiền | 5/11/1988 | Lai Châu | RHM |
| 91 | 19 | Nguyễn Quỳnh Thư | 18/9/1977 | Hà Nội | RHM |
| 92 | 20 | Nguyễn Thị Hoàng | 26/4/1971 | Bình Thuận | RHM |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 93 | 21 | Phạm Thành Nam | 9/2/1990 | Quảng Ninh | RHM |
| 94 | 22 | Trần Quang Vũ | 20/8/1979 | Bắc Giang | RHM |
| 95 | 23 | Tô Tiến Thao | 29/1/1986 | Quảng Ninh | RHM |
| 96 | 24 | Võ Tiến Minh | 22/12/1991 | Quảng Trị | RHM |
| 97 | 25 | Lê Văn Lâm | 21/9/1986 | Thanh Hóa | RHM |
| 98 | 26 | Trần Thị Thu Thơm | 10/10/1990 | Hà Giang | RHM |
| 99 | 27 | Tạ Kim Dung | 9/11/1989 | Cao Bằng | RHM |
| 100 | 28 | Đinh Ngọc Tú | 13/10/1988 | Điện Biên | RHM |
| 101 | 29 | Đàm Phương Thảo | 17/5/1984 | Cao Bằng | RHM |
| 102 | 30 | Nguyễn Anh Đức | 28/12/1983 | Đồng Nai | RHM |
| 103 | 31 | Phùng Thị Thanh Hà | 11/11/1979 | Hà Nội | RHM |
| 104 | 32 | Đỗ Quang Hiếu | 22/10/1989 | Phú Thọ | RHM |
| 105 | 33 | Nguyễn Thị Huế | 22/8/1979 | Thái Bình | RHM |
| 106 | 34 | Ma Công Hiệu | 15/10/1977 | Tuyên Quang | RHM |
| 107 | 35 | Phan Đăng Lâm | 8/8/1983 | Bắc Ninh | RHM |
| 108 | 36 | Trần Viết Vương | 30/7/1983 | Nghệ An | RHM |
| 109 | 37 | Lầu Vương Sình | 1/6/1988 | Sơn La | RHM |
| 110 | 38 | Phùng Ngọc Thắng | 9/12/1988 | Thái Bình | RHM |
| | | **7. Nội khoa (14)** | | | |
| 111 | 1 | Bùi Thị Bích Huệ | 13/12/1991 | Hải Phòng | Nội |
| 112 | 2 | Trần Thị Thanh Hương | 17/6/1988 | Quảng Ninh | Nội |
| 113 | 3 | Bùi Thị Hằng | 11/1/1987 | Hải Dương | Nội |
| 114 | 4 | Trần Văn Cường | 23/2/1975 | Ninh Bình | Nội |
| 115 | 5 | Bùi Đức Tuấn | 18/6/1987 | Quảng Ninh | Nội |
| 116 | 6 | Nguyễn Thu Hà | 1/3/1992 | Hải Phòng | Nội |
| 117 | 7 | Lê Văn Dũng | 1/3/1976 | Hà Nội | Nội |
| 118 | 8 | Nguyễn Đình Hưng | 9/12/1985 | Hải Dương | Nội |
| 119 | 9 | Dương Vân Anh | 29/9/1983 | Hải Dương | Nội |
| 120 | 10 | Nguyễn Ngọc Hà Việt | 26/5/1986 | Hải Phòng | Nội |
| 121 | 11 | Bùi Thái Dương | 13/7/1989 | Hải Dương | Nội |
| 122 | 12 | Phạm Thị Hương Giang | 1/8/1976 | Hà Nội | Nội |
| 123 | 13 | Nguyễn Văn Hòa | 15/9/1974 | Hải Dương | Nội |
| 124 | 14 | Vũ Ngọc Loan | 4/8/1987 | Quảng Ninh | Nội |
| | | **8. Nhi khoa (08)** | | | |
| 125 | 1 | Phạm Thị Bưởi | 3/6/1991 | Hải Phòng | Nhi |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 126 | 2 | Lê Thị Kim Ngân | 20/6/1991 | Hưng Yên | Nhi |
| 127 | 3 | Đinh Thị Huyền Trang | 15/6/1991 | Quảng Ninh | Nhi |
| 128 | 4 | Vũ Văn Đài | 15/10/1986 | Ninh Bình | Nhi |
| 129 | 5 | Nguyễn Thị Thu Thủy | 11/9/1985 | Hải Dương | Nhi |
| 130 | 6 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên | 30/9/1988 | Hải Dương | Nhi |
| 131 | 7 | Trần Thanh Lâm | 17/8/1983 | Lai Châu | Nhi |
| 132 | 8 | Nguyễn Hữu Tùng | 22/5/1978 | Vĩnh Phúc | Nhi |
| | | **9. Ngoại khoa (06)** | | | |
| 133 | 1 | Đồng Xuân Minh | 20/1/1979 | Hải Phòng | Ngoại |
| 134 | 2 | Khổng Minh Toàn | 15/9/1984 | Quảng Ninh | Ngoại |
| 135 | 3 | Nguyễn Hùng Vương | 19/9/1987 | Hưng Yên | Ngoại |
| 136 | 4 | Nguyễn Văn Điệp | 24/6/1987 | Hải Dương | Ngoại |
| 137 | 5 | Trần Nam Thành | 3/10/1983 | Hải Phòng | Ngoại |
| 138 | 6 | Đinh Khắc Lễ | 18/1/1986 | Quảng Ninh | Ngoại |
| | | **10. Mắt ( 05)** | | | |
| 139 | 1 | Nguyễn Thị Cẩm Tuyết | 18/12/1977 | Hải Phòng | Mắt |
| 140 | 2 | Nguyễn Ngọc Ngân | 8/4/1983 | Hải Dương | Mắt |
| 141 | 3 | Vũ Thị Thủy | 4/1/1986 | Hải Dương | Mắt |
| 142 | 4 | Nguyễn Thị Ngọc Hiên | 2/11/1992 | Hải Phòng | Mắt |
| 143 | 5 | Hoàng Thị Linh | 10/5/1990 | Bắc Cạn | Mắt |
| | | **11. Gây mê hồi sức (10)** | | | |
| 144 | 1 | Trần Văn Nam | 27/7/1977 | Điện Biên | GMHS |
| 145 | 2 | Nguyễn Đình Thiện | 22/1/1984 | Hà Nam | GMHS |
| 146 | 3 | Thàng Xín Thường | 20/10/1985 | Hà Giang | GMHS |
| 147 | 4 | Hoàng Quốc Tuấn | 13/4/1974 | Hải Phòng | GMHS |
| 148 | 5 | Hoàng Văn Danh | 23/6/1991 | Bắc Kạn | GMHS |
| 149 | 6 | Nguyễn Huy Hoàng | 23/12/1986 | Điện Biên | GMHS |
| 150 | 7 | Hoàng Ngọc Hưng | 15/4/1987 | Phiêng Khoài | GMHS |
| 151 | 8 | Hà Trọng Hải | 14/5/1985 | Sơn La | GMHS |
| 152 | 9 | Lê Trung Kiên | 4/4/1976 | Hòa Bình | GMHS |
| 153 | 10 | Trần Anh Tuấn | 30/9/1982 | Thái Bình | GMHS |
| | | **12. Chẩn đoán hình ảnh (20)** | | | |
| 154 | 1 | Phạm Văn Khanh | 2/9/1972 | Hải Phòng | CĐHA |
| 155 | 2 | Nguyễn Quốc Toản | 22/7/1985 | Hải Dương | CĐHA |
| 156 | 3 | Nguyễn Thị Vân Anh | 9/9/1989 | Quảng Ninh | CĐHA |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 157 | 4 | Nguyễn Trọng Trang | 2/9/1987 | Bắc Ninh | CĐHA |
| 158 | 5 | Phạm Thị Thanh Thủy | 23/3/1985 | Thái Bình | CĐHA |
| 159 | 6 | Lê Văn Dũng | 21/3/1985 | Lào Cai | CĐHA |
| 160 | 7 | Dương Thị Anh | 20/10/1990 | Hưng Yên | CĐHA |
| 161 | 8 | Nguyễn Trọng Tuân | 2/9/1989 | Thanh Hóa | CĐHA |
| 162 | 9 | Nguyễn Văn Tiến | 26/5/1975 | Thanh Hóa | CĐHA |
| 163 | 10 | Trịnh Thị Hương | 3/3/1977 | Thanh Hóa | CĐHA |
| 164 | 11 | Mai Thị Thanh Tâm | 10/4/1990 | Thanh Hóa | CĐHA |
| 165 | 12 | Bùi Đăng Truân | 15/8/1982 | Hải Dương | CĐHA |
| 166 | 13 | Nguyễn Thị Thản | 1/8/1980 | Hải Dương | CĐHA |
| 167 | 14 | Trần Mạnh Thường | 5/5/1982 | Hải Phòng | CĐHA |
| 168 | 15 | Lã Minh Tiến | 28/2/1989 | Nam Định | CĐHA |
| 169 | 16 | Cà Văn Phong | 12/3/1984 | Điện Biên | CĐHA |
| 170 | 17 | Nguyễn Văn Định | 16/3/1991 | Hải Phòng | CĐHA |
| 171 | 18 | Nguyễn Hữu Sinh | 30/9/1973 | Thái Bình | CĐHA |
| 172 | 19 | Nguyễn Xuân Chính | 6/5/1983 | Thanh Hóa | CĐHA |
| 173 | 20 | Nguyễn Thành Đạt | 1/12/1990 | Ninh Bình | CĐHA |

*Ấn định danh sách công nhận trúng tuyển chuyên khoa cấp I khóa 2019-2021*

*của Trường ĐHYDHP gồm 173( một trăm bảy mươi ba) học viên thuộc 12 chuyên ngành*

Hải Phòng, ngày 23 tháng 10 năm 2019

**HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Văn Khải